

TÌM HIỂU VỀ THỂ THƠ THẤT LỤC NGÔN BÁT CÚ

Triều Nguyên*

1. Đặt vấn đề

Trong nền văn học dân tộc, đã xuất hiện một thể thơ với các tên gọi: “lục ngôn thể” [2:122], “thơ lục ngôn”,⁽¹⁾ “thể thất ngôn pha lục ngôn” [1:49], “hình thức thơ thất ngôn xen lục ngôn”,...⁽²⁾ Thời gian sử dụng rộng rãi thể thơ này là từ thế kỷ XIV đến thế kỷ XVI, chủ yếu là trong thơ Nôm của ba nhà thơ lớn: Nguyễn Trãi (1380-1442), Lê Thánh Tông (1442-1497), Nguyễn Bỉnh Khiêm (1491-1585) cùng các nhà thơ trong Hội Tao Đàn (không nêu tên tác giả). Từ thế kỷ XVII trở đi, thể thơ này rất ít được dùng.

Việc gọi tên như vừa nêu phần nào cho thấy thể thơ đang đặt ra chưa được tìm hiểu thấu đáo. Bài viết này nhằm xác định vấn đề ở góc nhìn thi luật. Để làm được việc ấy, cần trình bày đặc điểm cơ bản của thể thơ đang bàn (tạm dùng “thất lục ngôn bát cú” để gọi), xét trong quan hệ với thể thất ngôn bát cú luật Đường, để nhận diện, và đề xuất việc gọi tên; hòng vấn đề có được sự thống nhất ở các nhà nghiên cứu.

2. Đặc điểm cơ bản của thể “thất lục ngôn bát cú”

2.1. Sự kết hợp giữa các dòng lục, dòng thất

Thơ “thất lục ngôn bát cú” là loại thơ tám dòng, gồm các dòng bảy tiếng và các dòng sáu tiếng kết hợp với nhau theo một quy cách nhất định. Dựa vào số lượng của dòng lục, quy cách ấy là: nếu chỉ một dòng, dòng lục ấy ở liên 1 hoặc liên 4; nếu hai dòng lục thì thường sóng cặp để giữ vai trò của một trong bốn liên, nhất là liên 2, liên 3; nếu ba dòng lục, thì một dòng ở liên 1 hoặc liên 4, hai dòng còn lại sóng cặp để giữ vai trò của một trong ba liên còn lại; nếu bốn dòng lục thì thường ghép trong hai liên đi liền nhau; nếu năm dòng lục thì một dòng ở liên 1 hoặc liên 4, bốn dòng còn lại ghép trong hai của ba liên còn lại; nếu sáu dòng lục thì thường chừa lại liên 2 hay liên 3 cho cặp thất; nếu bảy dòng lục, thì dòng thất duy nhất sẽ ở liên 1 hoặc liên 4.⁽³⁾ Số tiếng của bài thơ, theo đó sẽ đạt mức tối đa khi chỉ một dòng lục, tức 55 tiếng, và mức tối thiểu khi chỉ một dòng thất, tức 49 tiếng.⁽⁴⁾

Dưới đây là các bài thơ “thất lục ngôn bát cú” minh họa cho mỗi dạng (các dòng có số lượng ít in nghiêng).

+ Dạng 7-1 (7 thất, 1 lục) - “Năm canh”, bài 2 (*Hồng Đức quốc âm thi tập*) (1):

*Văng gần xa khách văng lai,
Khúc rồng canh đã chuyển sang hai.*

* Hội Văn nghệ dân gian Thừa Thiên Huế.

Lầu treo cung nguyệt người êm giấc,
Đường quanh nhà thôn cửa chặt cài.
Cảnh vật chòm chòm bay lửa đóm,
Cỏ hoa gốc gốc đượm hương trai.
Có người đắc thú trong khi ấy,
Đoản dịch còn coong thốt mái ngoài. [3: 509]

+ Dạng 6-2 (6 thất, 2 lục) - bài thơ Nôm số 40 (Nguyễn Bình Khiêm) (2):

Dừng dừng mọi sự gác bên ngoài,
Dầu được dầu thua, ai mặc ai.
Mùi thế gian nhiều mận lạt,
Đường danh lợi có chông gai.
Mấy người phú quý hay yên phận,
Hễ kẻ anh hùng những cậy tài.
Dầu thấy hậu sinh thì dễ sợ,
Sừng kia chẳng mọc, mọc hơn tai. [4: 84-85]

+ Dạng 5-3 (5 thất, 3 lục) - “Tự thuật” (Lê Thánh Tông) (3):

Lòng vì thiên hạ những sơ âu,
Thay việc trời dám trể đâu.
Trống dùi canh còn đọc sách,
Chiêng xế bóng chữa thôi chầu.
Nhân khi cơ biến xem người biết,
Chứa thuở kinh quyền xét lẽ mầu.
Mựa ốc áo vàng chẳng có việc,
Đã muôn sự nhiệm trước vào tâu. [5: 101]

+ Dạng 4-4 (4 thất, 4 lục) - bài thơ Nôm số 24 (Nguyễn Bình Khiêm) (4):

Ba đời chúa được phúc tình cờ,
Ốn nặng chưa từng báo tóc tơ.
Lục lão kìa ai nhàn được thú,
Tứ bằng nọ khách dậy làm thơ.
Vui thanh vắng đà rồi việc,
Trải gian nan mới biết cơ.
Lành dữ lòng người khôn biết,
Dầu sủng nhục chớ thờ lơ. [4: 72]

+ Dạng 3-5 (3 thất, 5 lục) - “Trần tình”, bài 5 (Nguyễn Trãi) (5):

Con cờ quấy, rượu đầy bầu,
Đòi nước non chơi quán dầu.
Đáp áng mây, ôm bó củi,
Ngồi bên suối, gác cần câu.

*Giang sơn mặt thế nên quen thuộc,
 Danh lợi lòng nào ước chác cầu.
 Vương Chất tình cờ ta ước hỏi:
 Rêu phơi phơi, thấy tiên đâu? [6: 194]*

+ Dạng 2-6 (2 thất, 6 lục) - “Mạn thuật”, bài 4 (Nguyễn Trãi) (6):

*Đừng đỉnh chiều hôm dặt tay,
 Trông thế giới phút chim bay.
 Non cao non thấp, mây thuộc,
 Cây cứng cây mềm, gió lay.
 Nước mấy trăm thu còn vậy,
 Nguyệt bao nhiêu kiếp nhân nay.
 Ngoài chung mọi chốn đều thông hết,
 Bui một lòng người cực hiểm thay! [6: 190]*

+ Dạng 1-7 (1 thất, 7 lục) - “Thuật hứng”, bài 19 (Nguyễn Trãi) (7):

*Chუმ tự nhiên, một thảo am,
 Dầu lòng đi bắc lẫn về nam.
 Giường thiền định hùm nằm chực,
 Trái thì trai vượn nấu đam.
 Núi lảng giềng, chim bầu bạn,
 Mây khách khứa, nguyệt anh tam.
 Tào Khê rửa ngàn tầm suối,
 Sạch chẳng còn một chút phàm. [6: 200-201]*

2.2. Sự phối thanh, hiệp vần, ngắt nhịp và phép đối

Khi giới thiệu thơ văn Nguyễn Bình Khiêm, Đinh Gia Khánh viết “Tất cả các bài thơ trong “Bạch Vân quốc ngữ thi tập” đều viết theo thể Hàn luật pha lục ngôn, một thể thơ rất quen thuộc trong “Quốc âm thi tập” của Nguyễn Trãi và “Hong Đức quốc âm thi tập” của các tác giả cuối thế kỷ thứ XV” [4: 42]. Trên đại thể, Hàn luật vốn mô phỏng theo Đường luật, và do Đường luật có “tính đại chúng” hơn, nên để tiện việc nắm bắt vấn đề, ở các lĩnh vực được xem xét, bài viết đều dựa vào Đường luật.

+ Bài “thất lục ngôn bát cú” phối thanh theo thể thất ngôn bát cú luật Đường, trên cơ sở các dòng thất của chúng. Điều này có nghĩa: a) Việc phối thanh của bài “thất lục ngôn bát cú” dựa vào các dòng thất của bài ấy để khôi phục đúng với thể thơ thất ngôn bát cú luật Đường; b) Với các dòng lục, sẽ bỏ bớt một tiếng trong mô hình phối thanh ấy, để chúng phù hợp.

Việc khôi phục niêm luật theo thể thất ngôn bát cú luật Đường không có gì khó khăn, ngay cả trường hợp bài chỉ có một dòng thất. Riêng việc bỏ đi một tiếng trong mô hình phối thanh để các dòng lục phù hợp với niêm luật (nói khác đi, niêm luật của bài thơ, ở phía các dòng lục, là niêm luật của các dòng lục này cộng với một tiếng theo đúng niêm luật của mô hình mà lời thơ của dòng lục ấy không thể hiện), là cần nói rõ. Theo [1: 237], thì “Những câu 6 từ xen vào cũng phải theo đúng niêm, luật và vần trong toàn bài, niêm vẫn

tính ở từ thứ hai (...), từ thứ ba làm nhiệm vụ của từ thứ tư và từ thứ năm làm nhiệm vụ của từ thứ sáu trong câu bảy từ (...).⁽⁵⁾ Thật ra, không đơn giản như vậy. Nếu lấy những tiếng buộc phải theo luật của dòng thơ bảy tiếng (tiếng thứ 2, thứ 4 và thứ 6 - tiếng thứ 7 mang vần, có thể vần bằng hay vần trắc, nên không tính), thì việc bỏ đi một tiếng để dòng lục hợp luật, có thể rơi vào cả ba trường hợp: bỏ tiếng thứ 2, bỏ tiếng thứ 4, hay bỏ tiếng thứ 6. Và ngay với một bài thơ, cũng không hẳn chỉ dùng một trường hợp.

Dưới đây, là sự khôi phục niêm luật theo thể thơ thất ngôn bát cú luật Đường, dựa vào các dòng thất có được, và cách lược bỏ một tiếng trong khuôn khổ niêm luật ấy để các dòng lục tuân thủ nó, của bảy bài thơ đã dẫn:

- Bài 1, luật trắc; mô hình niêm luật ở vị trí dòng lục bỏ tiếng thứ 2.⁽⁶⁾
- Bài 2, luật bằng; mô hình niêm luật ở vị trí hai dòng lục bỏ tiếng thứ 6.
- Bài 3, luật bằng; mô hình niêm luật ở vị trí dòng lục đầu bỏ tiếng thứ 4, hai dòng lục tiếp theo bỏ tiếng thứ 2.
- Bài 4, luật bằng; mô hình niêm luật ở vị trí dòng lục đầu bỏ tiếng thứ 4, dòng lục thứ hai và dòng lục cuối bỏ tiếng thứ 2, dòng lục thứ ba bỏ tiếng thứ 6.
- Bài 5, luật bằng; mô hình niêm luật ở vị trí của năm dòng lục đều bỏ tiếng thứ 6.
- Bài 6, luật trắc; mô hình niêm luật ở vị trí dòng lục thứ hai bỏ tiếng thứ 2, năm dòng lục còn lại bỏ tiếng thứ 6.
- Bài 7, luật trắc; mô hình niêm luật ở vị trí hai dòng lục đầu và dòng lục thứ sáu bỏ tiếng thứ 4; dòng lục thứ ba, thứ năm và thứ bảy bỏ tiếng thứ 2; dòng lục thứ tư bỏ tiếng thứ 6.

Xem xét việc phối thanh theo cách làm vừa trình bày tuy có cơ sở (như các dòng thất của bài “thất lục ngôn bát cú” đều tuân thủ niêm luật, và việc làm như trên có thể lý giải hầu hết vấn đề⁽⁷⁾), nhưng vẫn có phần chưa thỏa đáng hoặc cần phải được tìm hiểu sâu hơn. Như tại sao đã dùng dòng lục để thoát ra khỏi sự ràng buộc của niêm luật lại vẫn cứ theo niêm luật?

+ Hiệp vần: như thể thất ngôn bát cú luật Đường (vần chân, thường là vần bằng, gieo vào các dòng 1, 2, 4, 6 và 8).

+ Ngắt nhịp: Bên cạnh các dòng thất thường theo nhịp 4/3, dòng lục ngắt lối 3/3 hoặc theo các nhịp chẵn: 2/2/2, 2/4, 4/2. Thí dụ, bài thơ Nôm số 105 (Nguyễn Bình Khiêm):

Sinh chẳng / gặp thuở Đường Ngu,
 Lẩn thần liên nên / mỗ đứa vu.
 Tạt nhạp tài hèn / cây núc nác, }
 Lơ thơ nghề tiện / tổ bồ câu. } đối
 Trăng vàng vạc / soi lòng đạo, }
 Gió hiu hiu / vỗ cửa nho. } đối
 Kham hạ / ví trời còn để,
 Khéo thì khổ nhục / vụng phong lưu. [4:142]

+ Phép đối: như thể thất ngôn bát cú luật Đường (hai dòng ở liên 2 đối nhau, hai dòng ở liên 3 đối nhau). Có thể tạo đối ở các dòng thất hay các dòng lục. Như thí dụ vừa dẫn về ngắt nhịp, ở liên 2, hai dòng thất đối nhau, ở liên 3, hai dòng lục đối nhau.

Khi cặp dòng lục đối nhau, các tác giả thường dùng để triết lý, luận giải việc đời.

- Ở Nguyễn Trãi:

Phú quý treo sương ngọn cỏ,
Công danh gửi kiến cảnh hờ. (“Tự than”, bài 3)
Dưới công danh đeo khổ nhục,
Trong đại đột có phong lưu. (“Ngôn chí”, bài 2)
Thế sự trai yêu thiếp mọn,
Nhân tình gái nhớ chồng xưa. (“Bảo kính cảnh giới”, bài 52)

- Ở Nguyễn Bình Khiêm:

Trẻ bất tài nên kém bạn,
Già vô sự ấy là tiên. (Bài 45)
Kiến thác bởi ang bùi ngọt,
Ruồi qua vì bát đắng cay. (Bài 57)
Chim khỏi lồng nên đắc thú,
Cây ngoài chậu mới tươi màu. (Bài 95)

3. Tình hình sử dụng và ý nghĩa của thể “thất lục ngôn bát cú”

Số lượng các bài thơ sử dụng thể “thất lục ngôn bát cú” so với số thơ Nôm của các tác giả đã nêu (dựa vào các tài liệu tương ứng), theo bảng thống kê sau:

Tác giả	Theo TLTK số	Tổng số bài thơ Nôm được ghi	Số sử dụng thể “thất lục ngôn bát cú”	Tỷ lệ phần trăm (%)
Nguyễn Trãi	6	51	39	76,47 ⁽⁸⁾
Lê Thánh Tông	5	35	12	34,29
Thơ Hội Tao Đàn	3	20	14	70,00
Nguyễn Bình Khiêm	4	161	87	54,04
Cộng	4 tài liệu	267	152	56,93

Số bài thơ không làm theo thể “thất lục ngôn bát cú” thì làm theo thể thất ngôn bát cú luật Đường. Như vậy, trên đại thể, chúng ta thấy: a) Thể “thất lục ngôn bát cú” được các tác giả đang bàn thích dùng hơn thể thất ngôn bát cú luật Đường, khi làm thơ Nôm; b) Nguyễn Trãi sử dụng thể “thất lục ngôn bát cú” nhiều hơn so với các tác giả khác.

Phân bố của 39 bài thơ sử dụng thể “thất lục ngôn bát cú” vừa nêu (trong bảng) ở Nguyễn Trãi, theo số dòng lục được dùng, như sau: 1 dòng lục: 5; 2 dòng lục: 16; 3 dòng lục: 6; 4 dòng lục: 3; 5 dòng lục: 5; 6 dòng lục: 3; 7 dòng lục: 1. Trừ những bài có số dòng thất và dòng lục bằng nhau, theo số liệu này, nếu gọi số có ít là *xen*, thì tỷ lệ phần trăm của việc xen này như sau: lục ngôn xen thất ngôn: 69,23%; thất ngôn xen lục ngôn 23,08%.

Việc thể “thất lục ngôn bát cú” gắn liền với thơ Nôm mà không dùng trong thơ chữ Hán, ngay với các tác giả sử dụng chúng, là vấn đề đáng suy nghĩ. Phải chăng, cùng với việc sáng tạo và tích cực phát triển chữ Nôm, các trí thức thế kỷ XIV - XVI đồng thời cũng muốn tạo ra một thể thơ riêng cho đất nước mình? Tinh thần, ý thức văn hóa dân tộc không thể không đặt ra ở đây. Và cho dù thể thơ ấy về sau không còn được kế tục thì những cố gắng kia cũng đã để lại những sáng tác làm rạng danh cho nền lịch sử văn học nước nhà.

4. Kết luận

4.1. Dương Quảng Hàm gọi thể thơ “thất lục ngôn bát cú” là “lục ngôn thể”, với định nghĩa “là lối thơ thất ngôn xen vào vài câu chỉ có sáu chữ”; ông cho đây là lối thơ “bất chước của Tàu”, và dẫn bài thơ số 45 (“Cảnh nhàn”) của Nguyễn Bỉnh Khiêm, có hai dòng lục ở liên 2, để minh họa [2: 119-122]. Bùi Văn Nguyên xếp thể thơ đang bàn vào tiểu mục “Lục ngôn và phong yêu”; ông viết: “Trong thơ quốc âm ta thời xưa, thể thơ thất ngôn bát cú có xen vào một số câu sáu từ, người ta cũng gọi là thể lục ngôn, thật ra nên gọi là thể pha lục ngôn, và những câu sáu từ đó thường xen vào giữa bài”, và dẫn bài “Thuật hứng” (bài 5) của Nguyễn Trãi, có hai dòng lục ở liên 3, để minh họa [1: 237].

Có thể thấy rằng việc gọi tên thể thơ đang bàn là “lục ngôn thể” hay “thơ lục ngôn” là không chính xác. Bởi ở đây không chỉ có các dòng thơ sáu tiếng mà còn có các dòng thơ bảy tiếng. Vả lại, đang có một thể loại thơ được gọi là thơ lục ngôn chỉ gồm những dòng sáu tiếng, và cách gọi này là hợp lẽ (tương ứng với việc gọi những bài thơ chỉ gồm năm tiếng là ngũ ngôn, những bài thơ chỉ gồm bảy tiếng là thất ngôn...). Cách gọi “thể thất ngôn pha lục ngôn” hay “hình thức thơ thất ngôn xen lục ngôn” cũng vậy. “Pha” và “xen” đều hàm chỉ cái được nói đến thuộc số ít, trong lúc, như đã trình bày, ở bài bát cú, nhiều trường hợp có một số dòng sáu tiếng xen vào các dòng bảy tiếng, và cũng không hiếm trường hợp có một số dòng bảy tiếng xen vào các dòng sáu tiếng.

Đó là chưa nói đến việc cả hai cách gọi đều mới quan tâm đến số lượng tiếng của mỗi dòng ở các dòng thơ mà chưa chú ý đến số lượng dòng thơ đã cố định của cả bài thơ (là tám dòng).⁽⁹⁾

4.2. Các lý giải vừa nêu cộng với sự trình bày ở trước, đã có thể xác định: đây là một thể thơ, trên đại thể, được cải tiến, sáng tạo từ thể thất ngôn bát cú luật Đường, được các nhà thơ thế kỷ XIV - XVI làm nên, với ý thức xây dựng một nền văn học Đại Việt tự chủ, tự cường. Dựa vào hệ thống tên gọi các thể thơ đang dùng (ngũ ngôn bát cú, thất ngôn tứ tuyệt, lục bát, song thất lục bát...), có thể gọi tên loại thơ đang bàn là thể **thất lục ngôn bát cú** (bảy, sáu tiếng tám dòng). Sở dĩ đặt “thất” trước “lục” vì số dòng thất ở thể thơ này thường nhiều hơn số dòng lục.

CHÚ THÍCH

- (1) Lê Trí Viễn (Chủ biên), *Cơ sở ngữ văn Hán Nôm*, tập 1, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 1984, tr 129.
- (2) Trần Đình Sử (Tổng chủ biên), *Ngữ văn 10 - nâng cao*, tập 2, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 2006, tr 40.
- (3) Như vậy, có sự đối ứng giữa lục ngôn và thất ngôn trong thể thơ đan xen này.
- (4) Khi chỉ một dòng lục, số tiếng là: một dòng lục = 6 tiếng, cộng với bảy dòng thất = 49 tiếng, thành 55 tiếng; khi chỉ một dòng thất, số tiếng là: một dòng thất = 7 tiếng, cộng với bảy dòng lục = 42 tiếng, thành 49 tiếng.
- (5) Khái niệm “tù” sử dụng ở đây không chính xác, vì ngoài từ đơn, các từ ghép và từ láy có nhiều hơn một tiếng.
- (6) Bấy giờ, 6 tiếng của dòng lục ở bài thơ sẽ phân bố theo thứ tự vào 6 tiếng còn lại của mô hình niêm luật.
- (7) Cũng có một vài trường hợp cách làm trên không lý giải được vấn đề, chẳng hạn, dòng lục ở vị trí thứ bảy trong bài thơ Nôm số 12 (luật trắc) của Nguyễn Bình Khiêm: “Yên đòi phân dầu tự tại” [4: 62-63]; hai dòng lục đầu của bài thơ Nôm số 67 (luật bằng) của Nguyễn Bình Khiêm: “Xóm tự nhiên, một cái lều; Qua ngày tháng lạ là nhiều” [4: 109]...
- (8) Theo thống kê từ *Ngữ văn 10 - nâng cao* (sđd, tr 40), thì qua xem xét 254 bài thơ Nôm của Nguyễn Trãi, cả loại 8 dòng lẫn loại 4 dòng, có 186 bài viết theo thất lục ngôn (tỷ lệ 73,23%) - con số này thấp hơn số thống kê ở bảng là 3,24%.
- (9) Thơ thất lục ngôn phần lớn là loại tám dòng (loại bốn dòng có ít, chủ yếu từ *Quốc âm thi tập* của Nguyễn Trãi), nên bài viết tập trung vào loại này. Nếu cho vì có hai loại, loại tám dòng và loại bốn dòng, nên dùng “lục ngôn” hay “thất ngôn xen lục ngôn” để gọi chung, thì cách làm như vậy chẳng những không xác định được đối tượng gọi tên (và phân định chúng trong hệ thống các tên gọi liên quan), mà còn cho thấy vấn đề chỉ được nhìn nhận ở mức chung chung. Bởi số dòng thơ là một tiêu chí quan trọng bên cạnh tiêu chí số tiếng của mỗi dòng, khi gọi tên một thể loại thơ.

TÀI LIỆU THAM KHẢO VÀ TRÍCH DẪN CHÍNH

1. Bùi Văn Nguyên, Hà Minh Đức. *Thơ ca Việt Nam, hình thức và thể loại*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, 2003.
2. Dương Quảng Hàm. *Việt Nam văn học sử yếu*, Nxb Hội Nhà văn, Hà Nội, 2002.
3. Đinh Gia Khánh (Chủ biên). *Hợp tuyển thơ văn Việt Nam: văn học thế kỷ X - thế kỷ XVII*, Nxb Văn học, Hà Nội, 1976.
4. Đinh Gia Khánh (Chủ biên). *Thơ văn Nguyễn Bình Khiêm*, Nxb Văn học, Hà Nội, 1983.
5. Mai Xuân Hải (Chủ biên). *Thơ văn Lê Thánh Tông* (tuyển), Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 1986.
6. Vũ Khiêu (Chủ biên). *Thơ văn Nguyễn Trãi* (tuyển), Nxb Văn học, Hà Nội, 1980.

TÓM TẮT

Thể thất lục ngôn bát cú được các nhà thơ lớn thế kỷ XIV - XVI như Nguyễn Trãi, Lê Thánh Tông, Nguyễn Bình Khiêm sáng tạo từ thể thất ngôn bát cú luật Đường. Luật thơ này chưa được tìm hiểu một cách đúng mức.

Bài viết nhằm trình bày đặc điểm cơ bản, tình hình sử dụng và ý nghĩa của thể thơ này, để có thể nắm bắt được vấn đề một cách thấu đáo; đồng thời, đề xuất tên gọi phù hợp hơn.

ABSTRACT

RESEARCHING THE SEVEN - SIX WORDS AND EIGHT LINE GENRE

The seven - six words and eight line genre was created by the famous poets in XIV - XVI century such as: Nguyễn Trãi, Lê Thánh Tông, Nguyễn Bình Khiêm, based on the eight heptasyllabic line Tang prosody genre. This genre has not researched correctly.

The writing presents fundamental characteristics, the use and the sense of this poem genre, in order to be able to understand subject thoroughly, and offers more suitable name.